

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Trịnh Văn Thới	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Thắng	Ủy viên
Ông Phạm Văn Đức	Ủy viên
Ông Nguyễn Đại Thu	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Phạm Văn Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Duy Tháp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thiên Kim	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đại Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Sơn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tích	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

---

**Phạm Văn Hùng**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2013*

Số: 109 /2013/AP.KT

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) tại ngày 30/06/2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trình bày từ trang 4 đến trang 21 kèm theo (Sau đây gọi tắt là báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên việc soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 của Công ty được soát xét bởi một Công ty kiểm toán khác. Trên Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 số 147/CPA Hà nội ngày 18/6/2012, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà tại ngày 30/6/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

---

**Nguyễn Hữu Đông**  
**Tổng Giám đốc**  
GCN đăng ký hành nghề kiểm toán số 0140-  
2013-43-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐÔNG Á**  
*Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2013*

---

**Nguyễn Văn Vụ**  
**Kiểm toán viên**  
GCN đăng ký hành nghề kiểm toán số 0638-  
2013-41-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B01a - HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>171.004.466.835</b>	<b>167.858.697.917</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.079.266.466</b>	<b>4.776.354.580</b>
1. Tiền	111	4	4.079.266.466	4.776.354.580
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>123.276.824.620</b>	<b>119.493.259.022</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		116.377.076.853	109.444.957.363
2. Trả trước cho người bán	132		735.031.412	861.429.056
5. Các khoản phải thu khác	135	5	9.543.639.981	10.261.147.848
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.378.923.626)	(1.074.275.245)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>37.077.249.910</b>	<b>37.525.402.149</b>
1. Hàng tồn kho	141		37.077.249.910	37.525.402.149
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.571.125.839</b>	<b>6.063.682.166</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		175.699.539	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	6.395.426.300	6.063.682.166
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>34.366.904.460</b>	<b>34.263.245.497</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.091.026.766</b>	<b>2.719.048.031</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.955.026.766	2.719.048.031
- Nguyên giá	222		23.941.743.253	27.340.828.861
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.986.716.487)	(24.621.780.830)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	-	-
- Nguyên giá	228		446.300.864	473.457.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(446.300.864)	(473.457.150)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		136.000.000	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>31.857.508.305</b>	<b>31.400.000.003</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	24.457.508.302	-
4. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	11	7.400.000.003	31.400.000.003
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>418.369.389</b>	<b>144.197.463</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		418.369.389	144.197.463
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>205.371.371.295</b>	<b>202.121.943.414</b>

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B01a - HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013		01/01/2013	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>154.450.321.052</b>		<b>149.927.501.763</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>153.980.283.733</b>		<b>149.249.734.444</b>	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	8.402.075.740		6.253.572.000	
2. Phải trả cho người bán	312		54.874.962.303		58.917.934.235	
3. Người mua trả tiền trước	313		27.705.491.229		24.028.901.737	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	11.251.466.703		9.213.803.064	
5. Phải trả công nhân viên	315		26.601.971.984		28.081.669.934	
6. Chi phí phải trả	316	14	2.509.856.615		1.265.802.337	
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	21.601.476.729		20.523.248.501	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.032.982.430		964.802.636	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>470.037.319</b>		<b>677.767.319</b>	
4. Vay và nợ dài hạn	334		-		207.730.000	
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		470.037.319		470.037.319	
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>48.561.875.139</b>		<b>49.731.169.641</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>48.561.875.139</b>		<b>49.731.169.641</b>	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		26.097.100.000		26.097.100.000	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		8.502.618.712		8.502.618.712	
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(620.000)		(620.000)	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.722.000.086		8.705.997.494	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.509.272.217		2.294.699.564	
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.731.504.124		4.131.373.871	
<b>B. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>2.359.175.104</b>		<b>2.463.272.010</b>	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>205.371.371.295</b>		<b>202.121.943.414</b>	

Phạm Văn Hùng  
Tổng Giám đốc

Lê Minh Quyết  
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013*

**MẪU SỐ B02a – HN**

*Đơn vị tính: VND*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Kỳ từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>35.239.697.173</b>	<b>41.919.828.454</b>
2. Các khoản giảm trừ	02		567.944.896	224.052.227
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>17</b>	<b>34.671.752.277</b>	<b>41.695.776.227</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	18	25.387.943.439	33.758.660.134
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.283.808.838	7.937.116.093
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	21.833.598	74.937.628
7. Chi phí tài chính	22	20	687.651.244	1.330.522.494
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>687.651.244</i>	<i>1.312.957.351</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.954.593.195	3.460.354.619
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>663.397.997</b>	<b>3.221.176.608</b>
11. Thu nhập khác	31	21	2.319.156.960	36.927.403
12. Chi phí khác	32	22	668.034.573	482.013.847
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.651.122.387</b>	<b>(445.086.444)</b>
<b>14. Lãi, lỗ trong công ty liên kết</b>	<b>45</b>		<b>(392.276.196)</b>	<b>-</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.922.244.188</b>	<b>2.776.090.164</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		826.830.300	723.677.752
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>1.095.413.888</b>	<b>2.052.412.412</b>
19. <i>Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số</i>			<i>(104.096.906)</i>	<i>(92.978.041)</i>
20. <i>Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ</i>			<i>1.199.510.794</i>	<i>2.145.390.453</i>
21. Lãi trên cổ phiếu	70	23	460	986

**Phạm Văn Hùng**  
**Tổng Giám đốc**

**Lê Minh Quyết**  
**Kế toán trưởng**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2013*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**MẪU SỐ B03a - HN**  
*Đơn vị tính: VND*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	34.348.046.866	43.084.377.562
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(4.054.861.745)	(5.501.010.194)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(18.802.742.011)	(20.066.512.374)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(527.179.703)	(1.270.753.913)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(500.000.000)	(574.891.848)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.073.434.138	58.767.755
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(15.299.192.831)	(14.945.131.054)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.762.495.286)</b>	<b>784.845.934</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(279.665.636)	(773.763.635)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	36.580.000	185.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(7.034.044.240)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.633.598	74.937.628
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.276.547.962</b>	<b>(7.547.870.247)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.372.075.740	4.272.754.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.581.302.000)	(2.207.730.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.114.530)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1.786.659.210</b>	<b>2.065.024.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(699.288.114)</b>	<b>(4.698.000.313)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4.776.354.580</b>	<b>10.149.067.033</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.200.000	(49.967.352)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4.079.266.466</b>	<b>5.401.099.368</b>

**Phạm Văn Hùng**  
**Tổng Giám đốc**

**Lê Minh Quyết**  
**Kế toán trưởng**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2013



## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105454 ngày 23/02/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu và đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 theo số 0100105454 ngày 25/01/2013. Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh của Công ty là 26.097.100.000 đồng, tương ứng với 2.609.700 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SDC.

Trụ sở chính của Công ty tại G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có 08 chi nhánh trực thuộc.

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- ✓ Khảo sát địa hình, địa chất công trình và địa chất thủy văn các công trình .
- ✓ -Thí nghiệm để xác định các chỉ tiêu cơ lí của đất, đá, nền móng và vật liệu xây dựng các công trình xây dựng.
- ✓ Lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình dân dụng, công nghiệp và các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A.
- ✓ Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi , thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A.
- ✓ Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với : Công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị .
- ✓ Thiết kế các công trình thủy công, thủy điện .
- ✓ Thiết kế nhà máy thủy điện.
- ✓ Thiết kế các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị.
- ✓ Thiết kế công trình cấp thoát nước
- ✓ Thiết kế cơ - điện công trình
- ✓ Thiết kế kết cấu đối với : công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị.
- ✓ Thiết kế điện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- ✓ Lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A.
- ✓ Thẩm định Thiết kế và Tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi , thủy điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A
- ✓ Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, công trình giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A .
- ✓ Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A.
- ✓ Trang trí nội thất.
- ✓ Xác định hiện trạng và đánh giá nguyên nhân sự cố các công trình xây dựng, khoan phun và xử lý nền móng các công trình xây dựng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B09a - DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

- ✓ Kinh doanh bất động sản, kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp .
- ✓ Thiết kế các công trình thủy lợi.
- ✓ Thiết kế xây dựng ngầm, thiết kế khai thác mỏ .
- ✓ Thiết kế các công trình xây dựng cầu và đường bộ .
- ✓ Nhận uỷ thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân .
- ✓ Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp; SX nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai
- ✓ SX nước đá và kinh doanh nước sạch, nước tinh khiết đóng chai, nước khoáng PV sinh hoạt và công nghiệp

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con – Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật Việt Nam – Canada và công ty liên kết – Công ty cổ phần thủy điện Đắk Đoa.

Hình thức ghi sổ kế toán: Hình thức Nhật ký chung.

**Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Báo cáo tài chính giữa niên độ, đồng thời phục vụ cho mục đích công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 và các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng kỳ.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty mẹ với công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

#### **Công cụ tài chính**

##### ***Ghi nhận ban đầu***

##### ***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính khác.

##### ***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt, vàng tồn quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### **Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành và theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính; trong 6 tháng đầu năm 2013, Công ty lần đầu tiên áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC trong việc trích khấu hao tài sản cố định thay thế cho việc áp dụng Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 trong các kỳ kế toán trước. Việc áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC không làm thay đổi mức trích khấu hao của các tài sản cố định được Công ty đang áp dụng. Tiêu thức xác định nguyên giá tài sản cố định của Công ty được điều chỉnh lại phù hợp với quy định mới. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 10

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B09a - DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ quản lý	03 - 05

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí liên quan tới đầu tư xây dựng và chi phí lãi vay có liên quan trong thời kỳ đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Việc tính khấu hao của các tài sản được hình thành từ đầu tư xây dựng này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái bắt đầu sử dụng.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và doanh nghiệp có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập khác mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tỷ giá ngoại tệ của các khoản mục tài sản bằng tiền, công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được hạch toán vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá sau đó được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B09a - DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 30/06/2013 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B09a - DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	348.832.940	186.201.183
Tiền gửi ngân hàng	3.730.433.526	4.590.153.397
<b>Cộng</b>	<b>4.079.266.466</b>	<b>4.776.354.580</b>

**5. Phải thu khác**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi nhánh Tây Bắc	1.003.354.470	3.518.649
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	7.034.044.240	7.034.044.240
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ	371.808.978	1.870.594.705
Khác	1.134.432.293	1.352.990.254
<b>Cộng</b>	<b>9.543.639.981</b>	<b>10.261.147.848</b>

**6. Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường		-
Nguyên liệu, vật liệu	7.493.289	8.382.203
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.069.756.621	37.517.019.946
<b>Cộng</b>	<b>37.077.249.910</b>	<b>37.525.402.149</b>
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn</b>	<b>37.077.249.910</b>	<b>37.525.402.149</b>

**7. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ ngắn hạn	344.026.793	787.726.117
Tạm ứng	6.051.399.507	5.275.956.049
<b>Cộng</b>	<b>6.395.426.300</b>	<b>6.063.682.166</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a - DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà xưởng và vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Thiết bị văn phòng</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>TSCĐ khác</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>5.788.013.550</b>	<b>12.041.025.560</b>	<b>581.769.712</b>	<b>8.889.465.494</b>	<b>40.554.545</b>	<b>27.340.828.861</b>
Mua trong kỳ	-	15.663.636	-	-	-	15.663.636
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(119.700.000)	-	-	-	(119.700.000)
Giảm khác	-	(2.959.104.680)	(254.917.474)	(40.472.545)	(40.554.545)	(3.295.049.244)
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>	<b>5.788.013.550</b>	<b>8.977.884.516</b>	<b>326.852.238</b>	<b>8.848.992.949</b>	<b>-</b>	<b>23.941.743.253</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>5.788.013.550</b>	<b>10.132.733.353</b>	<b>550.054.581</b>	<b>8.112.703.442</b>	<b>38.275.904</b>	<b>24.621.780.830</b>
Khấu hao trong năm	-	380.829.963	20.305.381	128.205.695	2.278.641	531.619.680
Thanh lý, nhượng bán	-	(119.700.000)	-	-	-	(119.700.000)
Giảm khác	-	(2.722.106.842)	(245.806.164)	(38.516.472)	(40.554.545)	(3.046.984.023)
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>	<b>5.788.013.550</b>	<b>7.671.756.474</b>	<b>324.553.798</b>	<b>8.202.392.665</b>	<b>-</b>	<b>21.986.716.487</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>-</b>	<b>1.908.292.207</b>	<b>31.715.131</b>	<b>776.762.052</b>	<b>2.278.641</b>	<b>2.719.048.031</b>
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>	<b>-</b>	<b>1.306.128.042</b>	<b>2.298.440</b>	<b>646.600.284</b>	<b>-</b>	<b>1.955.026.766</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 30/06/2013 là : 19.900.038.060 đồng (tại ngày 01/01/2013 là: 21.952.892.699 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a - DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Nhãn hiệu hàng hóa</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>396.300.864</b>	<b>77.156.286</b>	<b>473.457.150</b>
Tăng trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	(27.156.286)	(27.156.286)
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>	<b>396.300.864</b>	<b>50.000.000</b>	<b>446.300.864</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>396.300.864</b>	<b>77.156.286</b>	<b>473.457.150</b>
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm khác	-	(27.156.286)	(27.156.286)
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>	<b>396.300.864</b>	<b>50.000.000</b>	<b>446.300.864</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>	-	-	-

**10. Đầu tư vào công ty liên kết**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ	24.457.508.302	-
<b>Cộng</b>	<b>24.457.508.302</b>	<b>-</b>

**11. Đầu tư dài hạn khác**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riêng	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ	-	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	1.500.000.003	1.500.000.003
Khác	3.500.000.000	3.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.400.000.003</b>	<b>31.400.000.003</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a - DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**12. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	8.372.075.740	6.091.572.000
Vay cá nhân	30.000.000	162.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.402.075.740</b>	<b>6.253.572.000</b>

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng số 01/2012/HDTDTL/TVSD ngày 26/04/2012.

**13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	5.863.667.651	4.652.879.249
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.482.930.457	2.156.100.157
Thuế thu nhập cá nhân	548.152.517	461.008.084
Các loại thuế khác	2.356.716.078	1.943.815.574
<b>Cộng</b>	<b>11.251.466.703</b>	<b>9.213.803.064</b>

**14. Chi phí phải trả**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập HĐQT và Ban kiểm soát	133.920.000	-
Chi phí của các công trình	2.118.836.706	753.320.227
Khác	257.099.909	512.482.110
<b>Cộng</b>	<b>2.509.856.615</b>	<b>1.265.802.337</b>

**15. Các khoản phải trả phải nộp khác**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	971.651.009	1.297.756.588
Bảo hiểm xã hội	1.955.233.917	1.734.317.973
Bảo hiểm thất nghiệp	342.288.142	189.587.063
Các khoản phải trả phải nộp khác	18.332.303.661	17.301.586.877
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>5.219.531.600</i>	<i>2.609.821.600</i>
<i>Thuế Doanh thu 5% phải nộp bên Lào</i>	<i>4.618.027.882</i>	<i>4.531.404.299</i>
<i>Tiền bảo hành</i>	<i>1.572.175.626</i>	<i>1.596.728.838</i>
<i>Khác</i>	<i>6.922.568.553</i>	<i>8.563.632.140</i>
<b>Cộng</b>	<b>21.601.476.729</b>	<b>20.523.248.501</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a - DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**16. Vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu VND</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu VND</b>	<b>Cổ phiếu quỹ VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>	<b>21.750.000.000</b>	<b>11.876.276.463</b>	<b>(620.000)</b>	<b>8.189.712.028</b>	<b>2.026.762.458</b>	<b>5.667.938.745</b>	<b>49.510.069.694</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>4.347.100.000</b>	-	-	<b>4.863.385.466</b>	<b>267.937.106</b>	<b>4.095.966.826</b>	<b>13.574.389.398</b>
Tăng vốn trong năm	4.347.100.000	-	-	-	-	-	4.347.100.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	4.095.966.826	4.095.966.826
Tăng khác	-	-	-	4.863.385.466	267.937.106	-	5.131.322.572
<b>Giảm trong năm</b>	-	<b>3.373.657.751</b>	-	<b>4.347.100.000</b>	-	<b>5.632.531.700</b>	<b>13.353.289.451</b>
Giảm khác	-	3.373.657.751	-	4.347.100.000	-	5.632.531.700	13.353.289.451
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>26.097.100.000</b>	<b>8.502.618.712</b>	<b>(620.000)</b>	<b>8.705.997.494</b>	<b>2.294.699.564</b>	<b>4.131.373.871</b>	<b>49.731.169.641</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	-	-	-	<b>1.016.002.592</b>	<b>214.572.653</b>	<b>1.891.583.312</b>	<b>3.122.158.557</b>
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	1.199.510.794	1.199.510.794
Tăng do trích lập các quỹ	-	-	-	858.290.612	214.572.653	-	1.072.863.265
Tăng khác	-	-	-	157.711.980	-	692.072.518	849.784.498
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	-	-	-	<b>4.291.453.059</b>	<b>4.291.453.059</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	4.291.453.059	4.291.453.059
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>	<b>26.097.100.000</b>	<b>8.502.618.712</b>	<b>(620.000)</b>	<b>9.722.000.086</b>	<b>2.509.272.217</b>	<b>1.731.504.124</b>	<b>48.561.875.139</b>

Theo Nghị quyết số 18 NQ/2013/ĐHĐCĐ ngày 27/05/2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2012 của Công ty như sau: Chia cổ tức 2.609.710.000 đồng tương ứng với 10% vốn điều lệ, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 608.879.795 đồng tương ứng 14%, trích quỹ dự phòng tài chính 214.572.653 đồng tương ứng 5%, quỹ Đầu tư phát triển 858.290.612 đồng tương ứng 20%. Đến thời điểm 30/6/2013, Công ty chưa thanh toán tiền cổ tức cho các cổ đông của Công ty.

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2013		Tại ngày 01/01/2013	
	Giá trị VND	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND	Tỷ lệ (%)
Cổ đông nhà nước	13.311.000.000	51,01%	13.311.000.000	51,01%
Cổ đông khác	12.786.100.000	48,99%	12.786.100.000	48,99%
<b>Cộng</b>	<b>26.097.100.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>26.097.100.000</b>	<b>100,00%</b>

**Cổ phiếu**

	30/06/2013	01/01/2013
<b>Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn</b>	<b>2.609.710</b>	<b>2.609.710</b>
<i>Cổ phiếu thường</i>	2.609.710	2.609.710
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>2.609.710</b>	<b>2.609.710</b>
<i>Cổ phiếu thường</i>	2.609.710	2.609.710
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<b>Mệnh giá cổ phiếu (đồng)</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>

**17. Doanh thu**

	Kỳ từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Kỳ từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.239.697.173	41.919.828.454
<b>Cộng</b>	<b>35.239.697.173</b>	<b>41.919.828.454</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Giảm giá hàng bán	567.944.896	224.052.227
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>34.671.752.277</b>	<b>41.695.776.227</b>

**18. Giá vốn**

	Kỳ từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Kỳ từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Giá vốn dịch vụ	25.387.943.439	33.758.660.134
<b>Cộng</b>	<b>25.387.943.439</b>	<b>33.758.660.134</b>

**19. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Kỳ từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.833.598	74.937.628
<b>Cộng</b>	<b>21.833.598</b>	<b>74.937.628</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a - DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**20. Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Kỳ từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	687.651.244	1.312.957.351
Chi phí tài chính khác	-	17.565.143
<b>Cộng</b>	<b>687.651.244</b>	<b>1.330.522.494</b>

**21. Thu nhập khác**

	<b>Kỳ từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Kỳ từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	2.377.042.359	-
Thu tiền đào tạo	(57.885.399)	36.927.403
<b>Cộng</b>	<b>2.319.156.960</b>	<b>36.927.403</b>

**22. Chi phí khác**

	<b>Kỳ từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Kỳ từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	169.670.000	399.900.000
Phạt chậm nộp thuế	498.364.573	82.113.847
<b>Cộng</b>	<b>668.034.573</b>	<b>482.013.847</b>

**23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Kỳ từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Kỳ từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.199.510.794	2.145.390.453
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.199.510.794	2.145.390.453
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.609.710	2.175.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>460</b>	<b>986</b>

**24. Giao dịch với các bên liên quan**

Trong kỳ Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng</b>		
Tổng công ty Sông Đà	332.566.200	-
<b>Số dư với các bên liên quan:</b>		
	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Tổng công ty Sông Đà	4.578.635.526	4.578.635.526
<b>Phải trả</b>		
Tổng công ty Sông Đà	2.174.437.224	1.653.413.637

**25. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 đã được soát xét.

---

**Phạm Văn Hùng**  
**Tổng Giám đốc**

---

**Lê Minh Quyết**  
**Kế toán trưởng**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2013*